

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thi hành Luật Bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Phần I

GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT

1. Giới thiệu khái quát về đặc điểm của địa phương

Thanh Hoá là tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ, có tổng diện tích đất tự nhiên là 11.168,3 km², phía Tây có đường biên giới tiếp giáp với nước bạn Lào dài 192 km, phía Bắc giáp các tỉnh Ninh Bình, Hoà Bình và Sơn La, phía Nam giáp với tỉnh Nghệ An và phía Đông có bờ biển dài 102 km. Địa hình thấp dần từ Tây sang Đông gồm 4 vùng: rừng núi, trung du, đồng bằng và vùng ven biển. Trên địa bàn tỉnh có 27 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: 24 huyện, 01 thị xã và 02 thành phố, trong đó có 07 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a; 635 đơn vị hành chính cấp xã (573 xã, 34 phường, 28 thị trấn), trong đó có 30 xã đặc biệt khó khăn thuộc chương trình 257; 100 xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và 83 xã có điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn.

Toàn tỉnh có hơn 963.000 hộ gia đình khoảng 3,6 triệu người (trong đó có 876.000 trẻ em dưới 16 tuổi) tỷ lệ nam giới chiếm 49,8%, nữ giới chiếm 51,2%; dân số sống ở khu vực nông thôn chiếm 85,3%, trong khi ở khu vực thành thị là 14,7%. Dân số bao gồm nhiều thành phần dân tộc với phong tục, tập quán sinh sống khác nhau, trong đó chiếm đa số là người Kinh với 84,4%, tiếp đến là người Mường với 8,7%, người Thái với 6% và các dân tộc khác như Mông, Dao, Tày, Sán Dìu, Hoa, Cao Lan, Thổ... chiếm tỷ lệ gần 1%. Tính đa dạng về thành phần dân cư là lợi thế cho sự phát triển văn hóa, xã hội và kinh tế theo vùng miền song cũng là những khó khăn cho sự phát triển đồng đều giữa các địa bàn trong tỉnh.

Trong những năm vừa qua, mặc dù đạt được những thành tựu đáng kể về phát triển kinh tế - xã hội, nhưng đời sống nhân dân nhìn chung thấp, toàn tỉnh vẫn còn 105.870 hộ nghèo chiếm 10,99%; 96.110 hộ cận nghèo chiếm 9,97%, thu nhập bình quân đầu người còn thấp, tỷ lệ lao động thất nghiệp còn cao và một bộ phận không nhỏ người dân có việc làm, thu nhập không ổn định. Ngoài ra, khoảng cách chênh lệch mức sống giữa khu vực nông thôn và thành thị cao, nhiều tập quán, phong tục lạc hậu còn tồn tại như: phân biệt về giới, tình trạng tảo hôn vẫn còn ở các vùng sâu, vùng xa. Bên cạnh đó tình hình tệ nạn xã hội như tệ nạn ma túy, mại dâm và cờ bạc còn diễn biến phức tạp.

2. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội tác động đến việc thực hiện Luật Bình đẳng giới tại địa phương trong 10 năm qua

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đã có sự chuyển biến tích cực, đã thu hút nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 9.500 doanh nghiệp, với hơn 243.000 lao động đang làm việc trong các loại hình doanh nghiệp (trong đó có 75 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), đã tạo việc làm mới cho 30.800 lao động, số lao động nữ khoảng 15.120 (49,1%). Bên cạnh đó, cơ cấu lao động giảm dần ở khu sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp còn 45%, tăng dần ở khu vực công nghiệp - xây dựng với tỷ lệ là 29% và dịch vụ là 26%. Với sự phát triển của kinh tế - xã hội, công tác bình đẳng giới tại địa phương đã đạt được những kết quả tích cực. Cụ thể:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bình đẳng giới được thực hiện một cách thực chất và tiếp cận được đến nhiều nhóm đối tượng, đặc biệt là lực lượng lao động nữ trong các loại hình doanh nghiệp, từ đó đã giúp cho lao động nữ thấy rõ thực trạng của vấn đề bất bình đẳng giới, nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của bình đẳng giới đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và làm thay đổi hành vi phân biệt giới trong quan hệ lao động.

- Tỷ lệ lao động nữ chiếm hơn 60% trong tổng số lao động trong các loại hình doanh nghiệp (đặc biệt là ở khối doanh nghiệp FDI), thu nhập bình quân lao động nữ trong các doanh nghiệp khoảng 4.800.000 đồng/người/tháng, từ đó chất lượng đời sống của lao động nữ không ngừng tăng lên, được tiếp cận tốt hơn các dịch vụ y tế, văn hóa và giáo dục.

- Lao động nữ được bảo vệ quyền lợi thông qua tổ chức đại diện của mình là Công đoàn, hiện nay có 3.654 công đoàn cơ sở với tổng số đoàn viên công đoàn 230.018 trong đó nữ 162.459, chiếm 70,6%.

Phần II

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI

1. Công tác triển khai thực hiện Luật

a. Cấp tỉnh:

- Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 20/11/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác bình đẳng giới giai đoạn 2012-2020.

- Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Đề án "Can thiệp giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh" trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Quyết định số 1799/QĐ-UBND ngày 08/6/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Đề án "Can thiệp giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh" giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Quyết định số 2923/QĐ-UBND ngày 07/9/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch hành động về bình đẳng tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2011-2015.

- Quyết định số 3828/QĐ-UBND ngày 16/11/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển gia đình tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 4071/QĐ-UBND ngày 14/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch hành động về bình đẳng giới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020.

- Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 07/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch phòng, chống bạo lực gia đình tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020.

- Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 31/8/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Thông tư số 23/2011/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy định thu thập, xử lý thông tin về gia đình và phòng chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Kế hoạch số 161/KH-UBND ngày 24/10/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016-2020.

- Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 17/01/2017 của UBND tỉnh về việc Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh về việc thực hiện biện pháp bảo đảm bình đẳng giới đối với nữ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2017-2020.

b. Cấp ngành, cấp huyện và cơ sở:

Trên cơ sở văn bản hướng dẫn chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh Thanh Hóa, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và UBND huyện, thị xã, thành phố đã chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm và ban hành văn bản, chỉ đạo hướng dẫn hoạt động công tác bình đẳng giới đến chính quyền cấp cơ sở để thực hiện đảm bảo theo mục tiêu các chiến lược, chương trình, đề án, kế hoạch của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh về công tác bình đẳng giới, từ đó đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, thúc đẩy cơ hội bình đẳng giới trong xã hội; từng bước thu hẹp khoảng cách giới và nâng cao vị thế của người phụ nữ trong một số lĩnh vực còn bất bình đẳng hoặc nguy cơ bất bình đẳng giới cao.

2. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới

a. Nội dung tuyên truyền:

Nhằm nâng cao hiệu quả thực thi trong lĩnh vực bình đẳng giới UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật về bình đẳng giới, tập trung vào các nội dung: Luật bình đẳng giới, Luật phòng, chống bạo lực gia đình; Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 24/4/2017 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ trong

thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước; Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 4/6/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới; Nghị định số 55/2009/NĐ-CP ngày 10/6/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính về Bình đẳng giới; Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 20/11/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác bình đẳng giới giai đoạn 2012-2020 v.v...

b. Hình thức tuyên truyền:

Luật Bình đẳng giới được các cơ quan tổ chức quan tâm quán triệt đến cán bộ, công chức và các tầng lớp nhân dân với nhiều hình thức phong phú và đa dạng. Cụ thể:

- In và phát hành hơn 100.000 tờ rơi tuyên truyền về bình đẳng giới trong các lĩnh vực: chính trị, lao động và việc làm, gia đình và hàng ngàn cuốn tài liệu hướng dẫn thực hành tình huống bình đẳng giới theo nhóm đối tượng cụ thể. Lắp đặt gần 100 pa nô các loại, hơn 5.000 băng zôn tuyên truyền trên các trục đường giao thông chính của tỉnh. Phát động và tổ chức tốt cuộc thi “Tìm hiểu chính sách, pháp luật về bình đẳng giới” do trung ương tổ chức vào năm 2012 với gần 40.000 bài dự thi; tổ chức hội thi “Câu lạc bộ gia đình hạnh phúc”...

- Tăng cường đưa tin, bài tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng (báo, đài phát thanh - truyền hình), trung bình 500 tin, bài/năm về các mô hình, điển hình tiên tiến trong các phong trào phụ nữ, gương phụ nữ vượt khó, phát triển kinh tế; xây dựng chuyên mục Phụ nữ tỉnh Thanh phát trên kênh TTV của Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa.

- Tổ chức “Tháng Hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới” từ 15/11 đến 15/12 (bắt đầu từ năm 2016) để tạo đợt cao điểm kêu gọi các tầng lớp nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh tích cực hưởng ứng, tổ chức tốt các hoạt động bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới.

3. Kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế tại địa phương để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh

Kể từ khi thực hiện Luật Bình đẳng giới, công tác tổ chức và bộ máy cán bộ làm công tác bình đẳng giới các cấp, ngành thường xuyên được kiện toàn phù hợp với thực tế của từng địa phương, đơn vị, đảm bảo mỗi cấp, ngành đều có cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

- Bộ máy hoạt động của Ban vì sự tiến bộ phụ nữ đã được kiện toàn từ cấp tỉnh đến cơ sở theo quy định tại Quyết định số 1855/QĐ-TTg ngày 11/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Đây là điều kiện thuận lợi để triển khai công tác bình đẳng giới ở khắp các địa phương trong tỉnh. Hiện nay có hơn 500 cán bộ thuộc Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ (sau đây gọi tắt là BVSTBPN) cấp tỉnh, huyện (trong đó: BVSTBPN cấp tỉnh gồm 20 thành viên, gồm: Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm Phó Trưởng ban Thường trực; Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ làm Phó Trưởng ban và 17 thành viên là lãnh đạo chủ chốt của các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh. Tổ giúp

việc gồm 05 thành viên); 100% các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh thành lập BVSTBPN.

- Thực hiện Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BLĐTĐ-BHXH-BNV ngày 02/10/2015 về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội của UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới được phân về Phòng Bảo vệ, chăm sóc trẻ em (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội), Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện. Hiện nay, toàn tỉnh hiện có 43 cán bộ làm công tác bình đẳng giới cấp tỉnh, huyện, trong đó: cấp tỉnh có 04 cán bộ chuyên trách và 39 cán bộ cấp huyện; 635/635 xã, phường, thị trấn có cán bộ làm công tác bình đẳng giới là cán bộ văn hóa - xã hội cấp xã đảm nhận. Ngoài ra, có các địa phương thực hiện mô hình thuộc Chương trình quốc gia bình đẳng giới hình thành được đội ngũ cộng tác viên, tuyên truyền viên ở khu dân cư.

- Bên cạnh đó, mỗi sở, ban ngành, đoàn thể đều thành lập BVSTBPN, đồng thời bố trí ít nhất 01 cán bộ có kinh nghiệm và có kiến thức hoạt động bình đẳng giới. Đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới các cấp nhìn chung đều có trình độ đại học trở lên, một số cán bộ có trình độ thạc sĩ và có kinh nghiệm trong công tác bình đẳng giới từ 05 năm trở lên. Tuy nhiên, do đa số cán bộ đều làm kiêm nhiệm, nên ảnh hưởng đến việc triển khai các hoạt động thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới tại các địa phương.

4. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cộng tác viên làm công tác bình đẳng giới

Công tác tập huấn cho cán bộ làm công tác bình đẳng giới và BVSTBPN ở các cấp, các ngành được quan tâm. Hàng năm, 100% cán bộ làm công tác bình đẳng giới và BVSTBPN cấp tỉnh, cấp huyện, thị xã, thành phố và trên 30% cán bộ làm công tác bình đẳng giới và BVSTBPN cấp xã, phường, thị trấn và công tác viên về bình đẳng giới tại khu dân cư được tập huấn ít nhất 01 lần.

Ngoài ra, các ngành, các cấp chính quyền quan tâm đầu tư nguồn kinh phí để tổ chức các lớp trang bị kiến thức, kỹ năng về giới và bình đẳng giới; phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới; tổ chức các buổi tọa đàm, sinh hoạt chuyên đề tại cơ quan, đơn vị nhân các sự kiện, ngày lễ tôn vinh phụ nữ; lồng ghép giới và bình đẳng giới vào hoạch định, thực thi chính sách như: lồng ghép giới trong lĩnh vực chính trị; lao động - việc làm, thông tin và truyền thông, gia đình; chăm sóc sức khỏe; giáo dục và đào tạo; ứng phó với biến đổi khí hậu...

5. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật bình đẳng giới trên địa bàn

Hàng năm Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực bình đẳng giới) đã phối hợp với Ban VSTBPN tỉnh đã đi kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách bình đẳng giới và tình hình hoạt động của Ban VSTBPN của các sở, ban, ngành và các địa phương. Đặc biệt, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với Ban VSTBPN tỉnh tổ chức kiểm

tra tổng kết, đánh giá 10 năm thi hành Luật Bình đẳng giới và kết quả thực hiện chương trình quốc gia về bình đẳng giới tại 2 huyện Đông Sơn, Như Xuân và thị xã Bìn Sơn, mỗi đơn vị chọn 01 xã, phường đi thực tế. Thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát đã đánh giá toàn diện tình hình thực hiện và tác động của việc thi hành Luật Bình đẳng giới, các văn bản hướng dẫn Luật Bình đẳng giới về các lĩnh vực chính trị - kinh tế - văn hóa trên địa bàn tỉnh. Từ đó điều chỉnh, rút kinh nghiệm trong chỉ đạo điều hành, triển khai các hoạt động phù hợp với thực tiễn từng địa phương trong tỉnh để nâng cao chất lượng thực hiện các chương trình Bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh.

Phần III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG VIỆC THỰC HIỆN LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI ĐỐI VỚI TỪNG LĨNH VỰC CỤ THỂ

1. Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị

Nhìn chung, việc thực hiện các chỉ tiêu của mục tiêu “Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị” không có sự thay đổi lớn qua các năm bởi tính chất nhiệm kỳ của các chỉ tiêu này. Qua thực tế cho thấy, công tác cán bộ nữ đã có sự chuyển biến rõ rệt, song tỷ lệ phụ nữ giữ chức vụ quản lý, lãnh đạo các cấp, các ngành trong các nhiệm kỳ qua rất thấp, đặc biệt ở các vị trí lãnh đạo cấp trưởng, cán bộ nữ chủ yếu vẫn giữ vị trí cấp phó. Việc triển khai công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ nữ còn chưa chủ động và chưa có chiến lược tạo nguồn lâu dài. Việc thực hiện chính sách đối với cán bộ nữ vẫn tùy thuộc vào điều kiện và sự quan tâm của lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

1.1. Tỷ lệ lãnh đạo là nữ nhiệm kỳ 2005-2010

a. Tỷ lệ lãnh đạo nữ tham gia cấp ủy Đảng các cấp:

- Cấp tỉnh: Ban chấp hành có 6 đồng chí (chiếm 10,2%); Ban Thường vụ: 02 đồng chí (chiếm 2,39%); Trưởng, phó ban, ngành: 25 đồng chí (chiếm 8,17%).

- Cấp huyện: Ban chấp hành và tương đương: 168 đồng chí (chiếm 13,44%); Ban Thường vụ: 39 đồng chí (chiếm 10,71%).

- Cấp xã: Ban chấp hành và tương đương: 1.284 đồng chí (chiếm 14,88%); Ban Thường vụ: 123 đồng chí (chiếm 5,11%). Tỷ lệ nữ lãnh đạo ở các Ban của Đảng, UBND, các sở, ban, ngành, đoàn thể các cấp trong tỉnh còn chiếm tỷ lệ thấp chưa đạt tỷ lệ 30% như mục tiêu đề ra.

b. Tỷ lệ lãnh đạo nữ tham gia chính quyền các cấp:

- Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội khóa XII: 3/17 đạt 17,6%, thấp hơn so chỉ tiêu đề ra là 12,4%.

- Tỷ lệ lãnh đạo nữ tham gia HĐND các cấp: cấp tỉnh là 14,9%; cấp huyện là 23,73% và cấp xã là 19,91% (chưa đạt so với chỉ tiêu đề ra tương ứng là 27% - 25% - 23%).

1.2. Tỷ lệ lãnh đạo là nữ nhiệm kỳ nhiệm kỳ 2011 - 2015

a. Tỷ lệ lãnh đạo nữ tham gia cấp ủy Đảng các cấp:

- Cấp tỉnh: Ban chấp hành có 6/67 đồng chí (chiếm 8,9%), đầu nhiệm kỳ là 7/69 đồng chí (chiếm 10,14%); Ban Thường vụ có 1/16 đồng chí (chiếm 6,25%), (đầu nhiệm kỳ là 2/17 người, chiếm 11,7%); trong nhiệm kỳ Trung ương luân chuyển về 01 nữ Phó Bí thư Tỉnh ủy.

- Cấp huyện: Ban chấp hành có 154/1.090 đồng chí (chiếm 14,13%); Ban Thường vụ có 31/301 đồng chí (đạt 10,29%), đầu nhiệm kỳ là 10,59%.

b. Tỷ lệ lãnh đạo nữ tham gia chính quyền các cấp:

- Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội khoá XIII đạt 18,75%.

- Tỷ lệ nữ tham gia đại biểu HĐND tỉnh đạt 13,82%. Tỷ lệ phụ nữ là lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh: 01 đồng chí là Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, 28 đồng chí là Giám đốc, Phó Giám đốc các Sở và Trường, Phó các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh trên tổng số 262 người, chiếm 10,3% (đầu nhiệm kỳ 11%); lãnh đạo cấp phòng và tương đương có 124/937 người, chiếm 23%.

- Tỷ lệ nữ đại biểu HĐND huyện đạt 21,66%, đại biểu HĐND cấp xã đạt 20,29%. Tỷ lệ nữ là cán bộ chủ chốt của chính quyền cấp huyện, xã: 01 đồng chí là Chủ tịch UBND huyện; 09 đồng chí là Phó chủ tịch HĐND, UBND huyện. Lãnh đạo cấp phòng, ban và tương đương có 180/1.148 người, chiếm 15,68%; Trường, phó các đoàn thể có 92/462 người, chiếm 19,9%.

1.3. Tỷ lệ phụ nữ tham gia lãnh đạo nhiệm kỳ 2016-2020

a. Tỷ lệ lãnh đạo nữ tham gia cấp ủy Đảng các cấp:

- Cấp tỉnh: Ban chấp hành có 07 nữ/71 đồng chí (chiếm 9,9%); Ban Thường vụ có 02 nữ/18 đồng chí (chiếm 11,1%), đến nay 01 đồng chí đã chuyển công tác ra Trung ương.

- Cấp huyện và tương đương: Ban chấp hành có 178 nữ/1.184 đồng chí (15,03%); Ban Thường vụ có 44 nữ/367 đồng chí (11,99%); Cán bộ chủ chốt: 01 nữ/28 Bí thư (3,57%); 02 nữ/61 Phó Bí thư (3,28%).

- Cấp xã có 2.609 nữ/14.091 đồng chí Ủy viên BCH (đạt 18,51%), tăng 3,28% so với nhiệm kỳ trước; Ban Thường vụ có 1.305 nữ/3.181 đồng chí (đạt 41,02%); 165 nữ/1.674 Bí thư (đạt 9,9%); 155 nữ/2.226 Phó Bí thư (đạt 6,96%).

b. Tỷ lệ lãnh đạo nữ tham gia chính quyền các cấp:

Tỷ lệ nữ trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 đều tăng so với nhiệm kỳ trước. Cụ thể:

- Nữ đại biểu Quốc hội là 4/14, đạt 28,57% (tăng 9,82%); nữ đại biểu HĐND cấp tỉnh 17/95, đạt 17,89% (tăng 4,07%); nữ đại biểu HĐND cấp huyện 257/993, đạt 25,88% (tăng 4,22%); nữ đại biểu HĐND cấp xã 3.798/16.031, đạt 23,69% (tăng 3,4%).

2. Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động việc làm

Với mục tiêu: “Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm, tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động”. Vấn đề giải

quyết việc làm cho lao động nữ, đặc biệt là lao động nữ nông thôn đã được tỉnh quan tâm triển khai. Chủ trương phát triển và mở rộng các khu công nghiệp của tỉnh và đưa người đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài đã tạo điều kiện cho nhiều lao động, trong đó có lao động nữ được tạo việc làm và thu nhập ổn định.

- Trong giai đoạn 2005-2010 cơ cấu lao động đã được chuyển dịch theo hướng tích cực, đến năm 2008 đã giải quyết cho 118.137 lao động, trong đó lao động nữ đạt 48,5%, thấp hơn so với kế hoạch đề ra 1,5%; Tỷ lệ thất nghiệp lao động nữ ở khu vực thành thị là 4,3%, cao hơn so với chỉ tiêu là 0,3%; Tỷ lệ hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ còn 54%, cao hơn 4% so với chỉ tiêu đề ra; Tỷ lệ phụ nữ làm chủ hộ có nhu cầu và đủ điều kiện được vay vốn là 57,5% phụ nữ trong tổng số người được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội (cao hơn chỉ tiêu 5,7%); Tỷ lệ lao động nữ được đào tạo đạt 29% thấp hơn chỉ tiêu 9%, trong đó lao động nữ được đào tạo nghề là 16,5% thấp hơn chỉ tiêu 12,5%.

- Trong giai đoạn 2011-2015 đã giải quyết việc làm cho trên 300.000 người, trong đó đảm bảo tỷ lệ ít nhất 40% cho mỗi giới (nam và nữ), đạt chỉ tiêu đề ra. Toàn tỉnh có trên 11.000 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh, trong số đó có khoảng 9.000 doanh nghiệp đang hoạt động. Số nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp chiếm khoảng 16% (chỉ tiêu đề ra là 30%) chưa đạt chỉ tiêu. Tuyển sinh đào tạo trên 320.000 người, trong đó đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg là 34.200 người (nữ: 19.836 người, chiếm 58%), góp phần đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề từ 29,6% năm 2011 lên khoảng 40,1% năm 2015 và đưa tỷ lệ qua đào tạo lên 55%. Tuy nhiên, việc thống kê có phân tổ theo độ tuổi vẫn chưa được thực hiện, nên chưa có đủ căn cứ để đánh giá việc hoàn thành chỉ tiêu. Tỷ lệ nữ ở vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức đạt 85%, đạt chỉ tiêu đề ra.

- Trong năm 2016, đã tạo việc làm cho gần 64.000 người, tăng 1,23% so với cùng kỳ năm 2015 và đạt 100% kế hoạch năm 2016. Tỷ lệ nam được tạo việc làm đạt 48,9%, tỷ lệ nữ đạt 51,1% vượt kế hoạch giai đoạn đề ra đảm bảo tỷ lệ ít nhất 40% cho mỗi giới (nam và nữ). Tổng số lao động được đào tạo nghề trong năm là 69.400 người. Các cấp hội phụ nữ và Trung tâm dạy nghề phụ nữ Thanh Hóa đã tổ chức 880 lớp chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật và 35 lớp sơ cấp nghề cho 96.850 phụ nữ, trong đó 100% phụ nữ nghèo làm chủ hộ được tham gia; phối hợp tổ chức dạy nghề cho 5.456 lao động nữ nông thôn.

Phụ nữ ở vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm. Tính đến nay, đã có 3.369 phụ nữ nghèo làm chủ hộ được đăng ký giúp thoát nghèo; tổng dư nợ các nguồn vốn là 6.448.092.000 đồng cho 258.756 hộ hội viên phụ nữ vay phát triển kinh tế; Phong trào "Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình", "Giúp phụ nữ nghèo có địa chỉ", "Thực hành tiết kiệm giảm nghèo bền vững", hỗ trợ xây dựng "Mái ấm tình thương", "Ngân hàng bò"... với tổng kinh phí là 700.000.000 đồng.

- Trong 6 tháng đầu năm 2017, toàn tỉnh đã tạo việc làm mới cho 30.800 lao động trong đó lao động nữ là 15.120 chiếm 49,1%; 100% phụ nữ nghèo có nhu cầu vay vốn được tiếp cận các nguồn tín dụng ưu đãi.

3. Bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ

Với mục tiêu: “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo”. Toàn tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua “dạy tốt, học tốt; triển khai thực hiện tốt quy định về dạy thêm, học thêm; khắc phục kịp thời tình trạng học sinh bỏ học; đẩy mạnh phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; thực hiện có kết quả cuộc vận động “nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục”; “nói không với đào tạo không đạt chuẩn, không đáp ứng nhu cầu xã hội”; số cán bộ quản lý giáo dục các cấp đã có thay đổi đáng kể về tỷ lệ nữ, phần nào đã phản ánh được một thực tế là chị em phụ nữ bằng năng lực của mình đã dần khẳng định được vai trò và vị thế trong việc tham gia các hoạt động quản lý của ngành.

- Trong năm 2007, thực hiện xóa mù chữ cho 95% số phụ nữ bị mù chữ ở độ tuổi dưới 40; Thực hiện tốt kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ giáo viên, vận động giáo viên nữ tự học để đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn. Việc quan tâm đến học sinh nữ cũng được chú ý đúng mức, cụ thể: nữ sinh tiêu biểu, có thành tích cao trong học tập, rèn luyện và công tác được nhận học bổng “Nữ sinh tài năng Việt Nam”. Trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, Quốc gia các môn văn hóa, thể thao đã có hàng trăm nữ sinh đạt giải. Tỷ lệ trẻ em gái từ 11-14 tuổi tốt nghiệp chương trình tiểu học và được vào lớp 6 đạt 99,5%.

- Giai đoạn 2011-2015, chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS được duy trì vững chắc, phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ em 5 tuổi được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận hoàn thành toàn tỉnh, tỷ lệ đạt 99,6%. Tỷ lệ đào tạo đạt chuẩn, trên chuẩn ngày càng tăng: ngành học Mầm non đạt chuẩn và trên chuẩn 99,8% (trên chuẩn là 58,3%); bậc Tiểu học đạt chuẩn và trên chuẩn 99,9% (trên chuẩn 79,3%); bậc THCS đạt chuẩn và trên chuẩn 98,8% (trên chuẩn 35,9%); bậc THPT đạt chuẩn và trên chuẩn 99% (trên chuẩn 8,7%); Tỷ lệ phụ nữ vùng sâu, vùng dân tộc thiểu số biết chữ ước tính 86%. Toàn tỉnh có 419 nữ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo thạc sĩ (chiếm tỷ lệ 16,47%); 21 nữ tiến sĩ (chiếm tỷ lệ 13%) trên tổng số cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ.

- Đến nay, tỷ lệ biết chữ của nam và nữ trên địa bàn tỉnh là 99,1%. Trong đó tỷ lệ biết chữ của nữ trên địa bàn tỉnh là 98,9%; Tỷ lệ biết chữ của nam và nữ ở vùng sâu, vùng dân tộc thiểu số là 97%, trong đó tỷ lệ biết chữ của nữ ở vùng sâu, vùng dân tộc thiểu số là 96,2%

Theo báo cáo thống kê của Sở Nội vụ (đến cuối năm 2016): toàn tỉnh có 42.267 nữ/64.813 công chức, viên chức, chiếm tỷ lệ 65,21%; Tổng số cán bộ,

công chức, viên chức được đào tạo tiến sĩ là 175 người (nữ là 25 người, chiếm tỷ lệ 14%); Tổng số cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo thạc sĩ là 3.130 người, trong đó nữ là 540 người (chiếm tỷ lệ 17,5%).

4. Bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa thông tin

Với mục tiêu: “Bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa thông tin”. Trong những năm qua, hoạt động báo chí đã góp phần quan trọng trong việc cung cấp thông tin, các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước tới nhân dân trong tỉnh, trong đó có Luật Bình đẳng giới, Luật phòng, chống bạo lực gia đình và các văn bản hướng dẫn thi hành. Các cơ quan thông tấn, báo chí như: Báo Thanh Hóa, Báo Lao động - Xã hội, Báo Văn hóa và Đời sống, Báo Điện tử an sinh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã xây dựng nhiều chuyên đề, chuyên mục, phóng sự, tin, chuyên trang đề cập các nội dung về bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực gia đình. Thông qua các hoạt động này, các sản phẩm văn hóa, thông tin về bình đẳng giới đã tăng lên và giảm dần các sản phẩm truyền thông mang tính chất định kiến giới. Đặc biệt, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh có chuyên mục Phụ nữ tỉnh Thanh, chuyên mục truyền hình và phát thanh bằng tiếng dân tộc nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền vấn đề bình đẳng giới tới đồng bào dân tộc. Như vậy, chỉ tiêu “tăng thời lượng phát sóng các chương trình, chuyên mục và số lượng các sản phẩm tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới”, đến nay có hơn 90% đài phát thanh, đài truyền hình cấp tỉnh, huyện tại địa phương có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới”.

Việc tăng cường kiểm tra và thu hồi các sản phẩm văn hóa, thông tin mang tính chất định kiến giới đã được thực hiện tích cực. Điển hình như năm 2013, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp Chi cục Dân số - KHHGĐ tỉnh tiến hành kiểm tra và thu hồi các loại sách có nội dung hướng dẫn sinh con theo ý muốn trên thị trường. Điều đó, cho thấy đã có sự chuyển biến trong hành động của các đơn vị chức năng liên quan đối với việc thi hành pháp luật về bình đẳng giới hiện nay.

Định kiến giới về vai trò truyền thống của phụ nữ và nam giới trong gia đình và xã hội đã có sự thay đổi tích cực so với trước đây. Trên các phương tiện thông tin đại chúng, hình ảnh người phụ nữ tự tin vươn lên, khẳng định mình trong công việc xuất hiện ngày càng nhiều; nhiều bài viết, hình ảnh quảng cáo đã thể hiện vai trò của nam giới trong chia sẻ việc nhà.

5. Bình đẳng giới trong lĩnh vực y tế

Trong những năm qua, để nâng cao nhận thức về chăm sóc sức khỏe, tăng cường cung cấp dịch vụ và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ, KHHGĐ, ngành Y tế đã triển khai, đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ: Phối hợp chặt chẽ với các ngành, đoàn thể, vận động cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong ngành thực hiện tốt các chương trình y tế, góp phần cải thiện tình trạng sức khỏe phụ nữ nói chung.

- Đến năm 2008, tuổi thọ trung bình của phụ nữ đạt 71 tuổi (thấp hơn so với chỉ tiêu đề ra 02 tuổi); Tỷ lệ nữ có thai được khám thai đủ 03 lần đạt 90,5% vượt chỉ tiêu đề ra 10,5%; Tỷ lệ phụ nữ được tiếp cận với các dịch vụ y tế đạt 94% (thấp hơn so với chỉ tiêu đề ra 1,0%), tỷ lệ phụ nữ sinh đẻ được cán bộ y tế chăm sóc đạt gần 100%; Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng được cải thiện, mạng lưới y tế cơ sở được củng cố và nâng cấp; TTYT có đủ thuốc thiết yếu về CSSKSS, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ đạt 100%; Chi đạo thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu và phòng chống dịch bệnh đạt hiệu quả. Triển khai việc hỗ trợ khám chữa bệnh cho phụ nữ nghèo, bảo đảm phụ nữ trong diện chính sách, phụ nữ nghèo được miễn phí các dịch vụ chăm sóc sản khoa thiết yếu; Quan tâm nâng cấp cơ sở y tế xã để có đủ năng lực cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe thiết yếu. Tăng cường các nguồn lực cho các trạm y tế đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ, trẻ em.

- Giai đoạn 2011-2015, nhận thức của người dân đã có sự chuyển biến mạnh mẽ, cơ bản các hộ gia đình đã thực hiện quy mô gia đình ít con để nuôi dạy con tốt và phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của gia đình; Tuy nhiên, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên vẫn còn cao, tỷ số giới tính khi sinh 115 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái vào năm 2015(chỉ tiêu kế hoạch 113 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái). Tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản năm 2011 là 18,3/100.000 trẻ đẻ sống giảm xuống còn 4,62/100.000 vào năm 2015. Tỷ lệ phá thai/100 trẻ đẻ sống giảm còn 15,5/100, vượt kế hoạch đề ra.

- Hiện nay nhằm tăng cường các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho phụ nữ và nam giới, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho phụ nữ và nam giới, ngành Y tế đã mở rộng mạng lưới tư vấn về sức khỏe sinh sản cho nam giới; UBND tỉnh giao Sở Y tế chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch số 161/KH-UBND ngày 24/10/2012 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020, đồng thời triển khai nhiều giải pháp nhằm giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ, trẻ em khi sinh, giảm tỷ lệ phá thai do kém hiểu biết, do lựa chọn giới tính thai nhi bằng các hình thức hội họp, hội thảo, tập huấn cho cán bộ công chức công tác trong lĩnh vực y tế từ tỉnh đến huyện, xã. Kết quả đạt được: Tỷ số giới tính khi sinh là 114,5 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái (chỉ tiêu đến năm 2020 là 113/nam/100 nữ); Số phụ nữ có thai là 88.159 người, số tử vong là 0 (chỉ tiêu đến năm 2020 là tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản giảm xuống còn 59/100.000 trẻ đẻ sống); Số phụ nữ được tư vấn chữa bệnh là 19.334 người. Trong đó: 11.156 chị được cấp thuốc và hướng dẫn điều trị bệnh, 8.178 phụ nữ mang thai được tiêm phòng uốn ván; Tỷ lệ phá thai/100 trẻ đẻ sống giảm còn 15/100.

6. Bình đẳng giới trong lĩnh vực gia đình

Trong gia đình, vị trí, vai trò của phụ nữ đã được cải thiện so với trước đây, đặc biệt là phụ nữ ở thành thị. Người phụ nữ được tôn trọng và được tham gia nhiều hơn vào các quyết định quan trọng trong gia đình. Tỷ lệ phụ nữ thực hiện

các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí trong thời gian rỗi ngày càng cao và ở một số loại hình như xem tivi, nghe đài là tương đương với nam giới. Nhiều phụ nữ ngày càng nhận thức rõ hơn và tham gia tích cực vào việc phòng chống bạo lực gia đình trên cơ sở giới.

- Năm 2016, toàn tỉnh đã chú trọng đẩy mạnh việc xây dựng gia đình văn hóa, trong đó nhấn mạnh tiêu chí bình đẳng giới trong gia đình. Chú trọng xây dựng mô hình các câu lạc bộ gia đình hạnh phúc, bình đẳng và không có bạo lực, thu hút sự tham gia tích cực của nam giới vào các hoạt động này. Xây dựng và thực hiện thí điểm thành công 02 mô hình “Ngăn ngừa giảm thiểu tác hại của bạo lực trên cơ sở giới” và có khả năng tiếp tục nhân rộng các mô hình này trong những năm tiếp theo. Lồng ghép “Phòng, chống bạo lực gia đình” với “Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” từ tỉnh đến cơ sở; tiếp tục duy trì thực hiện tốt các câu lạc bộ phòng, chống bạo lực gia đình.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì triển khai thực hiện Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 07/01/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch phòng, chống bạo lực gia đình tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020; triển khai Đề án “Tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình Việt Nam” năm 2016; Tổ chức các hoạt động văn hóa quần chúng, chỉ đạo các đoàn nghệ thuật của tỉnh xây dựng các vở kịch ngắn, tiểu phẩm với nội dung phòng, chống bạo lực gia đình, bình đẳng giới. Kết quả cụ thể: Đã treo hàng trăm pa nô, khẩu hiệu tuyên truyền; cấp phát trên 2.800 bộ tài liệu, tờ rơi, ấn phẩm về giáo dục đời sống gia đình và bình đẳng giới; tổ chức thành công hội thi “Câu lạc bộ gia đình hạnh phúc” năm 2016; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tổ chức 100 lớp tập huấn về câu lạc bộ “Xây dựng gia đình hạnh phúc” cho 5.000 trẻ vị thành niên và thu hút hơn 2.000 người là cha, mẹ, người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em và người chưa thành niên cùng tham gia.

Các hoạt động trên đã tạo hiệu quả tích cực, nâng cao nhận thức đến hộ gia đình, từ đó phát huy vai trò chủ động của các tầng lớp nhân dân tích cực hành động ngăn chặn bạo lực gia đình, xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh và thân thiện cho phụ nữ, đặc biệt là trẻ em gái trong gia đình.

Phần IV

ĐÁNH GIÁ CHUNG VIỆC THI HÀNH LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI

1. Đánh giá tóm tắt các kết quả đạt được

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước quan tâm đến công tác bình đẳng giới và hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ, đã ban hành nhiều văn bản quan trọng như: nghị quyết, nghị định, quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ... đã tạo hành lang pháp lý, sớm đưa Luật bình đẳng giới vào cuộc sống.

Nhằm thúc đẩy các cơ hội cho phụ nữ phát triển và thụ hưởng từ các thành quả của mình, ngay từ khi Luật Bình đẳng giới có hiệu lực từ ngày 01/7/2007, UBND tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo các sở, ngành, địa phương

trong việc triển khai thực hiện công tác bình đẳng giới tại từng cơ quan, đơn vị, địa phương; hướng dẫn các cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ nữ theo Hướng dẫn số 15-HD/BTCTW ngày 05/11/2012 của Ban Tổ chức Trung ương về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý; triển khai Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 20/11/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Bình đẳng giới, giai đoạn 2012-2020 và Công văn số 557-CV/TU ngày 21/3/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai, quán triệt thực hiện Kết luận số 55-KL/TW của Ban Bí thư thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh. Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị, giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm, tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong các lĩnh vực; Trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới; Nâng cao năng lực quản lý Nhà nước về bình đẳng giới... Sau khi Luật Bình đẳng giới được ban hành và có hiệu lực từ ngày 01/7/2007 lần đầu tiên cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới ở Việt Nam được hình thành. Đến nay bộ máy tổ chức thực thi bình đẳng giới ngày càng được phát triển và đi vào hoạt động có hiệu quả từ Trung ương đến cơ sở.

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được về bình đẳng giới, vẫn còn nhiều tồn tại như: tỷ lệ cán bộ nữ quản lý, lãnh đạo ở các cấp còn thấp; khoảng cách giới vẫn còn tồn tại trong một số lĩnh vực quan trọng như: chính trị, kinh tế, lao động và việc làm, giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, gia đình. Phụ nữ vẫn là đối tượng chịu thiệt thòi hơn so với nam giới. Định kiến giới, tư tưởng “trọng nam, khinh nữ” vẫn còn tồn tại, đặc biệt là khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số. Đây cũng là một trong những nguyên nhân chính gây nên tình trạng bất bình đẳng giới nói chung và đặc biệt là mất cân bằng giới tính khi sinh, tình trạng bạo lực đối với phụ nữ vẫn còn diễn ra.

2. Những hạn chế, vướng mắc trong tổ chức triển khai thực hiện các quy định trong Luật Bình đẳng giới

Trong quá trình triển khai thực hiện Luật bình đẳng giới cũng cho thấy có một số tồn tại như:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới tại một số địa phương, sở, ngành còn mang tính hình thức, thực hiện theo các đợt phát động cao điểm, chưa mang tính thường xuyên.

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ, công chức và nhân dân nhất là ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa và đồng bào dân tộc thiểu số còn có những hạn chế, định kiến giới còn nhiều; bản thân một bộ phận phụ nữ còn có tư tưởng an phận, chưa chủ động phấn đấu vươn lên trong cuộc sống và phát huy vai trò của mình trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Bình đẳng giới là lĩnh vực rộng và có liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực đã được quy định tại Chương II, tuy nhiên trong Luật chưa chi tiết, cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện và bảo đảm bình đẳng giới. Do đó việc theo dõi tổng hợp các số liệu trong một số ngành và lĩnh vực còn chưa được cập nhật, chưa tách biệt giới ví dụ: số liệu về tỷ lệ nam, nữ trong các lĩnh vực; tỷ lệ nữ là chủ doanh nghiệp...

- Một số quy định trong các lĩnh vực có liên quan đến bình đẳng giới còn chưa phù hợp dẫn tới những hạn chế điều kiện và cơ hội tham gia bình đẳng của phụ nữ như vấn đề tuổi nghỉ hưu; tuổi đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm... của cán bộ, công chức nữ. Thiếu chế tài xử lý vi phạm trong lĩnh vực bình đẳng giới.

- Kinh phí chi cho các hoạt động thực hiện công tác bình đẳng giới còn quá ít và phụ thuộc vào “sự quan tâm” của từng cơ quan, địa phương. Hầu hết mới chỉ tính toán được ở khoản ngân sách cấp cho một số hoạt động “bề nổi” của các BVSTBPN và một số ít cho cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới.

- Việc lồng ghép giới và bình đẳng giới trong xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, cũng như các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội chưa được quan tâm đúng mức nên việc xây dựng và ban hành chính sách, pháp luật đảm bảo lồng ghép giới chưa hiệu quả.

Phần V **ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

1. Các giải pháp hoàn thiện thể chế

- Đề nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2009/NĐ-CP ngày 10/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính về bình đẳng giới, trong đó phải quy định rõ chế tài xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi “Lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức”. Tăng mức xử lý trách nhiệm đối với các hành vi vi phạm các quy định về bình đẳng giới.

- Hoàn thiện các quy định pháp luật về bình đẳng giới theo hướng: đảm bảo quyền bình đẳng giới như là một nguyên tắc cơ bản để đảm bảo quyền con người theo Hiến pháp năm 2013.

2. Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thi hành Luật Bình đẳng giới

- Bố trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng giới ở các cấp, đảm bảo mỗi cấp, ngành đều có cán bộ làm công tác bình đẳng giới; hình thành đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ, đặc biệt ở thôn, xóm, bản, làng, cụm dân cư.

- Tăng cường đầu tư kinh phí cho các hoạt động của công tác bình đẳng giới ở các cấp, các ngành; Bảo đảm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, ưu tiên cho những ngành, vùng, khu vực có bất bình đẳng giới hoặc có nguy cơ cao về bất bình đẳng giới, vùng nông thôn, vùng nghèo, vùng miền núi còn nhiều tập tục lạc hậu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Hoàn thiện môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động của cán bộ nữ, nhất là nữ trí thức trong đó chú trọng các chủ trương, chính sách xã hội và bảo vệ các điều kiện lao động sáng tạo, các chế độ đãi ngộ thích đáng đối với cán bộ nữ.

- Cấp ủy Đảng các cấp quan tâm xây dựng quy hoạch cán bộ nữ đảm bảo tỷ lệ theo quy định, bố trí cán bộ quản lý các cấp đều có nữ tham gia. Đồng thời với việc xây dựng quy hoạch, phải chăm lo đào tạo, bồi dưỡng để chủ động về nhân sự; đề bạt, bổ nhiệm cần bảo đảm tiêu chuẩn của từng chức danh, có khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ, phát huy được thế mạnh, ưu điểm của cán bộ nữ. Thực hiện nguyên tắc bình đẳng giữa nam và nữ về độ tuổi trong quy hoạch, đào tạo, đề bạt và bổ nhiệm.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học nữ có trình độ cao, cán bộ lãnh đạo, quản lý nữ đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh sự nghiệp CNH-HĐH trong việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng cán bộ nữ.

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung và tổ chức thực hiện tốt các chính sách nhằm phát triển cán bộ nữ trong nghiên cứu khoa học, trong lãnh đạo, quản lý, đặc biệt quan tâm cán bộ nữ là trí thức; Công tác tạo nguồn cán bộ nữ cần được đặt trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực của quốc gia, ưu tiên tuyển dụng cán bộ nữ, lao động nữ có trình độ cao đẳng, đại học, trên đại học. Chăm lo bồi dưỡng, phát triển tài năng là nữ.

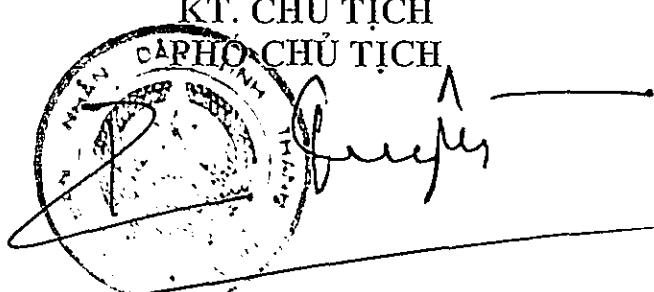
- Xây dựng, hoàn thiện và thực hiện tốt hệ thống luật pháp, chính sách về bình đẳng giới, tạo điều kiện cho sự phát triển của phụ nữ: Triển khai thực hiện tốt Luật Bình đẳng giới; ban hành một số chính sách đặc thù nhằm tạo điều kiện cho sự phát triển của phụ nữ (Chính sách hỗ trợ phụ nữ trong đào tạo, bồi dưỡng, tiếp cận thông tin, ứng dụng tiến bộ khoa học-kỹ thuật, công nghệ mới, có các giải pháp cụ thể để tăng nhanh tỷ lệ phụ nữ được đào tạo qua các cấp trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học).

Trên đây là báo cáo tổng kết đánh giá 10 năm thi hành Luật Bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, UBND tỉnh Thanh Hóa báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - TB và Xã hội (để b/c);
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, VX.80624

KT. CHỦ TỊCH
CẤP HỒ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền